

Số: 415/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 14 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 406/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị PTH, sinh ngày 25/01/1989; CCCD: 001***930, cấp ngày 27/12/2021. Nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Căn hộ 6A, nhà B1, tập thể TL 2 – phường G, quận B, thành phố H (nay là phường G, thành phố H).

- **Bị đơn:** Anh CTN, sinh ngày 29/08/1987; CCCD: 001***756, cấp ngày 20/4/2015. Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư.

Địa chỉ: Số 4 tổ dân phố B, thị trấn T, huyện L, thành phố H (nay là xã L, thành phố H).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị PTH, sinh năm 1989 và chị CTN, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị PTH và chị CTN, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị H và anh N cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu CMT, sinh ngày 02/4/2009 và cháu CNA, sinh ngày 10/01/2011.

Khi ly hôn, anh N và chị H thống nhất thỏa thuận: giao cháu T và cháu NA cho chị H là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh N đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc khi có yêu cầu khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0014606 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả chị H số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H – Phòng thi hành án KV5;
- UBND xã Gia Lâm (GCNKH số 73/2008 của UBND thị trấn Trâu Quỳ cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc